TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Số: 01 /TM – HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC
(PVGAS NORTH – Mã chứng khoán: PVG)

***Trân trọng kính mời*: Quý cổ đông.**

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Bắc:

- **Thời gian tổ chức ĐHĐCĐ lần 1:** 14h00, ngày 25 tháng 4 năm 2019.
- Trong trường hợp ĐHĐCĐ lần 1 không thành công,

  Thời gian tổ chức họp ĐHCĐ lần 2: 14h00 ngày 13 tháng 05 năm 2019.
- **Địa điểm:** Phòng họp Tầng 12, Tòa Nhà Viện Dầu Khí -167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội

  (Mọi chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí cá nhân để tham dự Đại hội sẽ do cổ đông tự trang trải)
- **Nội dung: Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch kinh doanh năm 2019;
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019, Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
- Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019;
- Các nội dung khác theo thẩm quyền của Đại hội.

Các thông tin chi tiết được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty: ***www.pvgasn.vn***

- **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông/đại diện cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự/ ủy quyền tham dự gửi trước 17h00 ngày 22/04/2019 (Tel: 024. 39445555 ext: 5793, Fax: 024.39445333) hoặc mail theo địa chỉ: tuyetnta@pvgasn.vn

Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến tham dự vui lòng mang theo CMND/Hộ chiếu, Giấy uỷ quyền để đăng ký tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT, HĐQT.AT03

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Trần Trọng Hữu

Signature Not Verified
Ký bởi: TRẦN TRỌNG HỮU
Ký ngày: 9/4/2019 15:33:40

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 0102311149 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC - Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Kính gửi: Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (PVGAS NORTH)

1. Thông tin cổ đông:

Cổ đông : Mã cổ đông:

Địa chỉ:

Số CMT/ĐKKD: ngày cấp: nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: **CP**

2. Tham dự trực tiếp: ☐

3. Hoặc ủy quyền tham dự:

a/ Ủy quyền cho người khác: ☐

Người được ủy quyền: . . . . . .

Số CMT/HC/ĐKKD: . . . . . ngày cấp: . . . . . nơi cấp . . . . . .

b/ Hoặc Ủy quyền cho một trong những người có tên dưới đây:

- Ông Trần Trọng Hữu – Chủ tịch HĐQT - Số CMT: 011492051 ngày cấp: 03/07/2012 ☐
- Ông Đoàn Trúc Lâm – Ủy viên HĐQT – Giám đốc – số CMT: 011881903 ngày cấp: 31/7/2010 ☐

Người được ủy quyền sẽ thay mặt tôi tham gia góp ý kiến và biểu quyết về những vấn đề tại Đại hội.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Bắc.

. . . . . , ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . .

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

1. *Cổ đông tham dự gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội về Công ty PVGAS NORTH trước 17h00, ngày 22/04/2019* ***Địa chỉ****: Ban thư ký - Công ty Cổ phần Kinh doanh khí miền Bắc, tầng 11, tòa nhà Viện Dầu Khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội; Fax: 024.39445333/34 hoặc mail theo địa chỉ: tuyetnta@pvgasn.vn*
2. *Nếu cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, đề nghị điền đầy đủ thông tin trong phần 1, đánh dấu và điền đầy đủ thông tin về Người được ủy quyền trong phần 3a. Hai bên ủy quyền và nhận ủy quyền đều ký xác nhận vào Giấy đăng ký. Nếu ủy quyền cho người ở mục 3b chỉ cần chữ ký của Người ủy quyền.*

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC
(Mã cổ phiếu: PVG)

- **14h00 – 14h30:** Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông.
- **14h30 :** Khai mạc Đại hội.
  - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
  - Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch, Tổ thư ký, Tổ kiểm phiếu.
  - Thông qua nội dung quy chế làm việc của Đại hội.
  - Thông qua chương trình Đại hội, quy chế làm việc của Đại hội.
- **14h40 : Trình bày các vấn đề sau:**
  - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch 2019.
  - Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018; Báo cáo thực hiện tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2018, Kế hoạch năm 2019.
  - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2018 và Kế hoạch năm 2019.
  - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018, kế hoạch năm 2019.
  - Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
  - Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
- **15h40 – 16h10:** Thảo luận và tiến hành biểu quyết các vấn đề trình bày tại Đại hội.
- **16h10 – 16h20:** Nghỉ giải lao.
- **16h20 – 16h35:** Tổng kết đại hội, thông qua Nghị quyết, Biên bản của Đại hội.
- **16h40:** Bế mạc cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ MIỀN BẮC

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC (PVGAS NORTH)

Mục tiêu :

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Bắc kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

A. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của công ty phải ăn mặc chỉnh tề, nghiêm túc.
2. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức có quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

B. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:

I. Nguyên tắc biểu quyết.

- Đúng Điều lệ, đúng luật và chính xác.
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu do được ủy quyền.
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu phiếu đó hợp lệ theo quy định.
- Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ % giữa tổng số cổ phần của các phiếu biểu quyết hợp lệ và tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông dự họp.

II. Cách thức biểu quyết.

1. Quy định chung.

- Biểu quyết thông qua các báo cáo, nghị quyết của Đại hội cổ đông được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội và chỉ sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) tham dự Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được phát phiếu biểu quyết. Thông tin in trên phiếu biểu quyết gồm:

• Họ và tên cổ đông, hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông.

• Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu: là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông đại diện.

• Nội dung biểu quyết.

• Dấu treo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Bắc.

- Phân loại phiếu biểu quyết.

• Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu in sẵn theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty, phiếu không bị rách rời, không bị tẩy xóa, cạo, sửa chữa và có đánh dấu biểu quyết theo đúng quy định trên phiếu biểu quyết.

• Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu không đúng theo quy định của phiếu hợp lệ.

2. Cách thức biểu quyết.

- Cổ đông biểu quyết khi được Đoàn chủ tịch hoặc Ban Tổ chức xin ý kiến về các vấn đề tổ chức Đại hội (*xin ý kiến về nhân sự Đoàn chủ tịch, Tổ thư ký; Tổ kiểm phiếu,..)* hay thông qua các Báo cáo, Tờ trình: đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến.

C. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

1. **Nguyên tắc**: Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch.

2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 5 phút/ một lần.

D. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số (trên cơ sở tỷ lệ sở hữu/ đại diện phần vốn điều lệ).

2. Hướng dẫn cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình họp Đại hội đồng cổ đông.

E. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty.

F. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU:

1. Xác định đầy đủ, trung thực kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
2. Kịp thời thông báo cho Tổ Thư ký kết quả biểu quyết.
3. Chuyển hồ sơ kiểm phiếu (Phiếu biểu quyết + Biên bản kiểm phiếu) cho Ban tổ chức ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Bắc.

Kính trình Đại hội thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 & KẾ HOẠCH NĂM 2019

Hà Nội, tháng 04 năm 2019

PHẦN 1

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch

a) Kinh doanh LPG:

Năm 2018, thị trường thế giới: giá dầu, khí thế giới vẫn biến động nhiều. Giá LPG trong 9 tháng đầu năm khá ổn định nhưng có xu hướng giảm mạnh vào những tháng cuối năm. Giá CP tháng 11&12/2018 giảm mạnh so với tháng 10/2018 (mức giá tháng 10 là 655 USD/tấn, đến tháng 12 là 430 USD/tấn) ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng tiêu thụ LPG của Công ty trong Quý IV.

Thị trường nguồn cung LPG trong và ngoài nước tiếp tục dư thừa. Thị trường kinh doanh LPG khu vực phía Bắc cạnh tranh quyết liệt, không lành mạnh; gian lận thương mại trong hoạt động kinh doanh LPG diễn ra công khai, rộng khắp.

Nghị định 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí (trong đó có LPG) đã xoá bỏ hoặc giảm hầu hết các yêu cầu bắt buộc về cơ sở vật chất như kho chứa LPG, trạm chiết nạp, số lượng chai LPG, thiết lập hệ thống phân phối... bước đầu xóa bỏ tâm lý hoạt động cầm chừng của các nhãn hiệu gas vừa và nhỏ, xuất hiện ngày càng nhiều việc cạnh tranh không lành mạnh (sang chiết nạp lậu: Hòa Bình, Thái Bình, Hải Dương...) và cạnh tranh, giành giật sản lượng bằng việc giảm sâu giá bán.

Năm 2018 là năm thứ ba Công ty triển khai các chương trình, kế hoạch theo Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ LPG dân dụng của Tổng công ty khí Việt Nam (KVN) giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Mặc dù Chiến lược marketing, quảng cáo đã được Tổng Công ty quan tâm, phê duyệt, tuy nhiên việc triển khai chưa được thực hiện sớm, dẫn đến tạo độ trễ không cùng song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng theo mục tiêu tăng trưởng nhanh trong năm 2018.

Thực hiện các giải pháp về kinh doanh, KMB tiếp tục bám sát thị trường, đồng hành hỗ trợ các kênh bán hàng hiện tại để giữ chân vỏ bình PVGAS, kịp thời điều chỉnh giá giao LPG linh hoạt tại từng thời điểm.

b) Kinh doanh CNG:

Hệ thống khách hàng CNG đã ổn định, hoạt động cấp khí CNG được liên tục. Công tác phối hợp điều độ khí được Công ty duy trì chặt chẽ với đơn vị cung cấp nguồn, luôn cập nhật tình hình trạm nén khi có sự cố và liên hệ thường xuyên với đơn vị vận tải đảm bảo không gián đoạn khí cấp cho khách hàng.

Việc giá dầu có xu hướng tăng cao dẫn đến giá thành nhiên liệu CNG đang mất dần đi lợi thế cạnh tranh so với các nhiên liệu khác, vì vậy khách hàng nhiều lần đề nghị tăng sản lượng, chiết khấu hoặc có xu hướng trở về sử dụng nhiên liệu truyền thống để tiết giảm chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng công ty Khí, Công đoàn Tổng công ty, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm cùng tập thể CBCNV toàn Công ty nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, từng bước khắc phục và giải quyết những khó khăn tồn tại, giữ vững sự ổn định của Công ty, cố gắng hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã đề ra.

2. Kết quả kinh doanh năm 2018

Các chỉ tiêu chính đạt được:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Kết quả thực hiện	% thực hiện/kế hoạch
I	Sản lượng:				
1	LPG	Tấn	217.352	223.106	102%
1.1	LPG Công nghiệp	Tấn	*135.492*	*140.960*	104%
1.2	LPG Dân dụng	Tấn	*81.860*	*82.146*	100%
2	CNG	tr sm3	30,00	39,95	133%
II	Chỉ tiêu tài chính:				
3	Doanh thu	tỷ đồng	3.370,1	4.059,35	120%
4	Chi phí	tỷ đồng	3.359,6	4.044,27	120%
5	Lợi nhuận trước thuế (*)	tỷ đồng	10,5	15,07	144%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	8,4	12,11	144%
7	Vốn giải ngân ĐTXD	tỷ đồng	30,70	7,11	23%
III	Các chỉ tiêu khác				
8	Số lao động bình quân	Người	490	487	99%
9	Thu nhập bình quân NLĐ	Trđ/ng th	13,31	13,31	100%
10	Năng suất lao động bình quân	TyĐ/ng/th	0,57	0,7	122%
11	Thực hiện đào tạo	Lượt Ng	1.485	1.086	73%

*Ghi chú: * LNTT đã bao gồm trích nộp dự phòng khoản nợ của PVTEX;*

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪNG LĨNH VỰC

1. Kinh doanh LPG:

1.1. Kinh doanh LPG công nghiệp

- Mặc dù diễn biến giá CP có thay đổi nhiều gây khó khăn trong công tác quản lý hàng tồn kho của KMB, tuy nhiên do nắm bắt nhu cầu tiêu thụ của khách hàng và chủ động điều tiết hàng tồn kho và giá mua hàng đầu vào hợp lý nên việc cung ứng hàng gas rời trong năm 2018 của Công ty tương đối ổn định, không bị rủi ro hàng tồn kho khi giá CP biến động lớn, đặc biệt trong các tháng đầu năm và cuối năm.

- Công ty thực hiện mục tiêu tăng trưởng vào nhóm khách hàng nhà máy, trạm chiết, đồng thời tìm kiếm các khách hàng tiềm năng để mở rộng thị trường trong nước và tiếp tục thực hiện xuất khẩu LPG Dung Quất ra thị trường nước ngoài.

- Tổng khối lượng bán hàng công nghiệp năm 2018 đạt: 140.960 tấn (104% kế hoạch). Số lượng khách hàng: 87 khách hàng công nghiệp khối các nhà máy SamSung, Honda, Yamaha, Bridgstone, Aon, LG Innotek, Techhong...

- Công nợ bán hàng được kiểm soát tốt, các khách hàng có bảo lãnh đầy đủ.

- Công tác dịch vụ cho khách hàng được triển khai thực hiện như tư vấn thiết kế - xây lắp các trạm cấp LPG, công tác kiểm tra, đánh giá an toàn – kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa các trạm cấp của khách hàng.

1.2. Kinh doanh LPG dân dụng

- Năm 2018, mặc dù phải đối mặt thị trường cạnh tranh rất khốc liệt nhưng toàn Công ty vẫn ước đạt sản lượng bán dân dụng là 82.146 tấn, tăng trưởng 20% so với sản lượng thực hiện năm 2017 và hoàn thành sản lượng mục tiêu chiến lược năm 2018 của Tổng công ty.

- Các Chi nhánh luôn thực hiện các chính sách bán hàng linh hoạt để ổn định giá bán theo mặt bằng của thị trường và thực hiện các chính sách tăng trưởng theo kịch bản chiến lược, trong khi các đối thủ cạnh tranh luôn bán hàng với mức giá rất thấp trong năm 2018 nên ảnh hưởng tới hiệu quả SXKD chung.

- Mức Margin bán lẻ LPG dân dụng năm 2018 của các chi nhánh chỉ đạt: từ 80 – 120 USD/Tấn do phải cạnh tranh với các hãng tư nhân để giữ vững thị trường, cùng với việc các chiến lược bán lẻ thành phẩm của Tổng công ty triển khai chậm, nên thấp hơn so với mục tiêu chiến lược của Công ty (130 USD/Tấn). Tuy nhiên, nhờ công tác mua nguồn hợp lý, cho thuê vỏ bình và cam kết chính sách giá cạnh tranh theo chiến lược của Tổng Công ty đối với hoạt động bán lẻ nên KMB đã cơ bản cố gắng khắc phục khó khăn hoàn thành kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện kế hoạch của 3 Chi nhánh năm 2018

Stt	Tiêu đề	Đơn vị	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ TH/KH
	Sản lượng		**81.860**	**82.146**	**100,3%**
1	Bắc Bộ	Tấn	33.930	34.049	100,3%
2	Duyên Hải	Tấn	25.785	25.850	100,0%
3	Miền Trung	Tấn	22.145	22.246	100,5%

- Hệ thống phân phối được mở rộng ở hầu hết các kênh, phụ thuộc đặc điểm từng vùng thị trường và hiện đang được phát triển theo hướng giảm khâu trung gian, bán hàng đến tận tay người tiêu dùng tại các tỉnh thành Miền Bắc. Tổng số tổng đại lý, đại lý, cửa hàng/trung tâm là 1200, trong đó tăng gần 100 đại lý so với năm 2017.

- Thông qua một số chương trình marketing trực tiếp hoặc qua các báo giấy, báo điện tử, thử nghiệm việc áp dụng công nghệ thông tin vào bán hàng cũng đưa hình ảnh sản phẩm của PVGAS đến người tiêu dùng nhiều hơn.

2. Kinh doanh CNG

- Từ đầu năm 2018, KMB đã quyết liệt đàm phán, thương thảo với các khách hàng để điều chỉnh giá bán CNG phù hợp với tình hình biến động của thị trường, tham chiếu giá nhiên liệu (dầu FO, LPG), tiết giảm chi phí kinh doanh, đồng thời rà soát tiết giảm các chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh CNG. Tuy

nhiên cuối năm 2018 do giá dầu tăng cao các khách hàng kiến nghị hỗ trợ nên Công ty đã chủ động căn cứ kết quả kinh doanh điều chỉnh chiết khấu hỗ trợ khách hàng để hài hòa lợi ích trong kinh doanh.

- Đối với các khách hàng chuyển đổi sang nhiên liệu LPG thay thế, đơn vị đã chủ động lập kế hoạch cấp CNG và LPG để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất.

- Công tác an toàn, kỹ thuật được tiến hành kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất, đảm bảo tính ổn định của hệ thống thiết bị trạm giảm áp.

- Theo dõi sát công nợ khách hàng để đảm bảo không phát sinh công nợ quá hạn và vượt giá trị bảo lãnh. Tất cả các khách hàng có bảo lãnh mua hàng.

3. Tàng trữ - Giao nhận

Sản lượng nhập tàu năm 2018

Tổng kho	Tổng nhập tàu (tấn)	Vòng quay kho/tháng
Đình Vũ	109.629	3,1
Hải Phòng	57.395	3,99
Vũng Áng	16.731	0,84
Đà Nẵng	7.235	0,46
(SL thuê kho ngoài)	21.635	1,2

- Đảm bảo tiếp nhận hàng hóa an toàn, kịp thời theo kế hoạch của Công ty.

- Luôn thực hiện nghiêm chỉnh các qui định về an toàn PCCN trong nhập tàu, vận hành kho trạm, xuất nhập xe bồn, chiết nạp và phân phối bình gas.

- Phát triển khách hàng để khai thác Tổng kho Đà Nẵng, nâng cao hiệu quả sử dụng kho.

- Quản lý, giám sát công tác xuất nhập hàng hoá tại Tổng Kho và các Kho gửi hàng, không để xảy ra thất thoát hàng hoá; tỉ lệ hao hụt thấp hơn so với định mức hao hụt được duyệt.

- Tăng cường nhập tàu tại Tổng kho LPG Hải Phòng nhằm tiết giảm chi phí bán lẻ.

- Xây dựng định mức vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, tiêu hao vật tư, nhân công đảm bảo hợp lý, tiết kiệm, tăng hiệu và quản lý định mức.

- Tăng cường công tác dịch vụ kỹ thuật để xử lý kịp thời các kiến nghị của khách hàng.

- Tự thực hiện một số công việc bảo dưỡng sửa chữa, các dự án nhỏ, giảm chi phí thuê ngoài.

- Công tác dịch vụ kiểm tra an toàn xe bồn, các trạm cấp LPG của khách được thực hiện tốt, được khách hàng đánh giá cao.

4. Công tác An toàn, Sức khỏe, Môi trường:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Khí và Nhà nước về công tác an toàn, bảo vệ môi trường. Liên tục rà soát, ban hành đầy đủ các nội quy, quy định, biện pháp về đảm

bảo An ninh – An toàn – Sức khỏe – Môi trường. Một số kết quả chính đạt được như sau:

- Cập nhật, chuyển đổi thành công Hệ thống quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá, cấp Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày 04/5/2018;

- Duy trì chương trình STOP (Safety Training Observation Program) tại 4 Tổng kho LPG trực thuộc, gần 300 thẻ STOP được ghi nhận, tạo phong trào đưa văn hóa an toàn tới từng người lao động;

- Thực hiện Đánh giá nội bộ, kiểm tra An toàn - Vệ sinh lao động, an toàn PCCC tại các Tổng kho LPG, Trạm nạp LPG, trung tâm kiểm định, cửa hàng bán LPG, Trạm CNG của Công ty;

- Tổ chức hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN và Ngày PCCC toàn dân; tổ chức diễn tập, huấn luyện PCCC với cảnh sát địa phương được 8 lượt tại các đơn vị sản xuất trong toàn Công ty. Tổng kho LPG Miền Bắc tham gia hội thao Cụm doanh nghiệp an toàn PCCC Khu Kinh tế Đình Vũ đạt 01 giải nhất cá nhân môn chạy 100 m vượt rào dập cháy khay xăng;

- Mua bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm LPG, CNG và bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, trách nhiệm công cộng cho 100% công trình khí;

- Kiểm tra an toàn ban đầu/định kỳ cho 170xe bồn LPG, 114 Trailer và 46 đầu kéo chuyên chở CNG của khách hàng và đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải;

- Kiểm định 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường, thực hiện kiểm định 117.654 chai chứa LPG loại 12 kg và 2179 chai chứa LPG loại 45 kg.

- Xây dựng và trình Bộ Công thương Đánh giá rủi ro định lượng, chương trình quản lý an toàn, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp cho các Trạm chiết nạp LPG Hà Nội.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện chế độ bồi dưỡng làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại bằng hiện vật cho 269 CBCNV. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 487 CBCNV, trong đó NLĐ trực tiếp được khám 02 lần/năm theo quy định;

- Thực hiện quan trắc môi trường tại các đơn vị sản xuất được 28/28 lượt theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nguy hại tại đơn vị SX theo quy định.

- Không để xảy ra tai nạn, sự cố đáng kể ảnh hưởng sức khỏe, môi trường và tài sản tại các đơn vị trong toàn Công ty.

5. Đầu tư Xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị

- Công trình Tổng kho các sản phẩm dầu khí Đà Nẵng (giai đoạn 1): trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành báo cáo gửi thanh tra Bộ Xây dựng và phê duyệt quyết toán theo quy định.

- Dự án Trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng Thái Nguyên: thực hiện các thủ tục thuê đất, lập thiết kế và dự toán, tiến hành lựa chọn nhà thầu thi công.

- Thực hiện các công việc mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất theo kế hoạch năm 2018 đã được phê duyệt.

- Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 20% cổ phần Công ty sản xuất và thương mại TQT từ các cổ đông bên ngoài, tiến hành sắp xếp cơ cấu tổ chức theo mô hình mới.

- Vốn giải ngân cả năm là: 7,1 tỷ đồng.

6. Công tác dịch vụ, bảo dưỡng sửa chữa

- Triển khai công tác Bảo dưỡng sửa chữa tại các Tổng kho LPG, các trạm chiết nạp, sơn sửa kiểm định và các trạm giảm áp CNG, đảm bảo các thiết bị luôn hoạt động ổn định, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Lập định mức BDSC, định mức vật tư tiêu hao, xây dựng và rà soát quy trình vận hành tại các Tổng kho LPG/Trạm CNG/Trung tâm sơn sửa kiểm định.

- Tiếp tục cung cấp các dịch vụ cho khách hàng thường xuyên như: cho thuê kho nhà xưởng Công ty Daesun, Dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách hàng Samsung Thái Nguyên; xây lắp trạm LPG cho các khách hàng Hanacans Quảng Ngãi, Saint Gobain Hải Phòng, Anyones Bắc Ninh ...

- Năm 2018, Công ty còn tích cực phát triển công tác dịch vụ: tư vấn, thiết kế và xây lắp cho một số khách hàng công nghiệp sử dụng LPG/CNG như Tokyo Gas, Ecospeed, Gas Việt Nhật; Ứng dụng CNG để hàn cốt thép trong Xây dựng nhà cao tầng, xây dựng cầu đường...

Đến nay, KMB luôn là một đối tác có uy tín được các khách hàng tin tưởng.

7. Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và tái cấu trúc công ty.

7.1. Công tác tổ chức và đào tạo:

- Tính đến thời điểm cuối năm 2018, tổng số lao động là 487 người trong đó, có 395 lao động nam chiếm 80%, lao động nữ có 72 người chiếm 20% và lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 49%.

- 100% người lao động được Công ty ký kết HĐLĐ theo đúng quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn hiện hành, được bố trí việc làm phù hợp và ổn định.

- Chú trọng công tác đào tạo theo các quy định của Nhà nước và đào tạo tại chỗ nhằm tiết giảm kinh phí và nắm bắt nhanh công việc. Năm 2018, Công ty đã tổ chức 50 khóa đào tạo cho 1086 lượt người với tổng chi phí đào tạo là hơn 750 triệu đồng, trong đó đào tạo theo yêu cầu pháp luật là 949 người với chi phí 443 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty được TCT hỗ trợ đào tạo hơn 100 lượt đào tạo và Công ty đào tạo cho khách hàng công nghiệp được 17 khóa về công tác an toàn.

- Hoàn thiện các thủ tục liên quan đến công tác quy hoạch cán bộ đến 2025.

- Kiện toàn mô hình tổ chức quản lý tại các phòng ban của Công ty, các đơn vị thành viên, đảm bảo các bộ phận hoạt động tốt và phối hợp chặt chẽ với nhau. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Hoàn thiện Kế hoạch lao động tiền lương 2018 đối với người đại diện và người lao động của Công ty, trọng tâm là phương án trích nộp BHXH từ 01/01/2018 đảm bảo tiết kiệm chi phí, cải tiến cơ chế tiền lương khuyến khích NLĐ, đặc biệt đối với cán bộ kinh doanh, thị trường.

- Thực hiện đúng quy chế trả lương, quy chế trả thưởng của Công ty.

- Thu nhập bình quân của toàn Công ty năm 2018 đạt 13,31 triệu đồng/người_tháng.

7.2. Công tác tái cấu trúc:

- Năm 2018, KMB đã tiến hành các thủ tục thành lập địa điểm kinh doanh Trung tâm kiểm định TQT; sắp xếp lại lao động để phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh mới, đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo đúng quy định của Pháp luật;

- Tiến hành quyết liệt việc tăng vốn của Tổng công ty tại KMB lên trên 51% trong tháng 12 năm 2018.

8. Công tác Tài chính – Kế toán

- Quản lý tốt các dòng tiền, đảm bảo lưu chuyển tiền tệ hợp lý, tăng hiệu quả dòng tiền, khai thác các dòng tiền có chi phí vốn thấp, góp phần tiết giảm chi phí tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Quản lý, giám sát chặt chẽ thời hạn thanh toán, công nợ khách hàng để tránh rủi ro trong kinh doanh, không để phát sinh thêm nợ khó đòi;

- Tính toán giá thành kinh doanh cho từng nhóm khách hàng, từng khu vực thị trường để phục vụ tốt cho hoạch định chính sách kinh doanh;

- Quản lý chặt chẽ chi phí kinh doanh, công tác phí, chi phí văn phòng đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí;

- Lập và nộp Báo cáo tài chính đúng hạn đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đúng quy định cho sàn giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu kế toán và đưa vào sử dụng phần mềm Bravo 7.0 R2.

- Theo dõi thường xuyên tình hình đầu tư vốn vào các công ty khác.

- Giải quyết khó khăn do thiếu vốn lưu động và vốn đầu tư dài hạn.

9. Công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí

- Ngay từ đầu năm 2018, Công ty đã tiến hành rà soát các kế hoạch AT-CL-MT, BDSC, chi phí quản lý (đặt vé máy bay thời gian cố định, bố trí xe công tác hợp lý), rà soát, xây dựng các định mức giao nhận LPG/CNG, đảm bảo tiết kiệm, giảm thiểu chi phí.

- Đàm phán với các đơn vị dịch vụ vận chuyển CNG để giảm giá vận tải, chi phí vận tải giảm hơn so với năm 2017 đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Tiến hành đồng bộ hóa vật tư, thiết bị tại các tổng kho, trạm nạp, trạm sơn sửa kiểm định nhằm đảm bảo tiết kiệm vật lực – nhân lực – chi phí trong công tác vận hành, BDSC, an toàn PCCC.

- Khai thác hệ thống kho, tăng vòng quay đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường, lập kế hoạch nguồn hàng đảm bảo việc cân đối tồn kho và bán hàng đảm bảo hiệu quả SXKD.

- Tích cực, tăng cường công tác giám sát và thu hồi công nợ.

- Kiểm soát tốt công tác đầu tư, thực hiện giao chi phí cho từng phòng, kho trạm để tiết kiệm chi phí đến từng bộ phận.

Năm 2018, Công ty tiết kiệm được 5,97 tỷ đồng. Trong đó tiết giảm chi phí SX trực tiếp là 1,72 tỷ đồng, đặc biệt công ty đã xắp xếp và quản lý chặt chẽ quá trình

bán hàng, công tác vận chuyển giao nhận, đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng cho CBCNV do đó tiết giảm chi phí ở khâu bán hàng ước đạt 4,1 tỷ.

10. Hoạt động An sinh – Xã hội, công tác đoàn thể

- Trong năm 2018, Công đoàn Công ty đã vận động 100% đoàn viên công đoàn tham gia nhiều phong trào từ thiện, ủng hộ các CBCNV có bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn, hưởng ứng các Phong trào hỗ trợ đồng bào bị bão lụt tại các tỉnh phía Bắc ở Lai Châu, Yên Bái.

- Tổ chức các hoạt động nhân ngày lễ 8/3, 20/10 do ban nữ công thực hiện, 1/6 cho các cháu thiếu niên, nhi đồng là con em của CBCNV, hoạt động đền ơn đáp nghĩa và nghỉ mát cho các CBCNV an toàn, tiết kiệm; giải bóng đá giao lưu với các đối tác, khách hàng.

- Công đoàn Công ty đã giám sát việc thực hiện các quy định của Luật lao động, Luật BHXH, thỏa ước lao động tập thể của công ty... đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi của mình, đặc biệt là các chế độ nghỉ ngơi, thai sản, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản, chế độ ốm đau...

- Giám sát việc khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty hàng năm và khám sức khỏe, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho những CBCNV làm các công việc nặng nhọc, độc hại theo quy định.

- Tuy nhiên trong năm 2018, Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty rất hạn chế, nên việc chi từ quỹ phúc lợi cho người lao động gặp nhiều khó khăn.

- Về hoạt động của Đoàn thanh niên: đã làm tốt vai trò tuyên truyền vận động đoàn viên thanh niên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và các đợt thi đua do Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty phát động. Một số thành tích cụ thể như sau:

  + Đoàn viên, thanh niên là nòng cốt trong các đội PCCC cơ sở của các đơn vị, thường xuyên tham gia diễn tập với PCCC địa phương, tham dự hội thao PCCC các Khu công nghiệp và đạt nhiều thành tích như: Tổng kho LPG Miền Bắc đạt 01 giải nhất cá nhân môn chạy 100 m vượt rào dập cháy khay xăng trong hội thao Cụm doanh nghiệp an toàn PCCC Khu Kinh tế Đình Vũ;

  + Tham gia hiến máu tình nguyện do Đoàn khối doanh nghiệp TW tổ chức và đóng góp được 12 đơn vị máu;

  + Tổ chức giải bóng bàn PVGAS NORTH mở rộng nhân kỷ niệm 82 năm ngày thành lập Đoàn, đại diện Tổng công ty tham gia Hội thao ngành dầu khí khu vực phía Bắc, phối hợp với Viện dầu khí tổ chức Giải bóng đá VPI Tower nhân kỷ niệm 52 năm thành lập ngành dầu khí; giao lưu với các khách hàng, đối tác của Công ty như: Cảnh sát PCCC Hà Nội, Tổng công ty điện lực dầu khí PV POWER

- Công đoàn phối hợp với Đoàn Thanh niên tích cực tham gia phòng trào Xanh - Sạch - Đẹp kho trạm, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.

- Chi Hội cựu chiến binh KMB có 34 hội viên, luôn đoàn kết hăng hái lao động góp phần xây dựng Công ty. Chi hội đã phối hợp với Hội CCB PVGas tổ chức các hoạt động về nguồn, thăm lại chiến trường xưa, chăm sóc thăm hỏi hội viên ốm đau hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Bên cạnh những lý do khách quan về cơ chế, chính sách, giá dầu biến động,... mặc dù đã đạt được những thành tích quan trọng nêu trên, hoạt động SXKD của Công ty vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Công tác đánh giá – dự báo – dự đoán để xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch chi phí hàng năm, hàng quý, hàng tháng đôi lúc chưa được lãnh đạo các phòng, ban quan tâm làm ảnh hưởng tới hiệu quả trong công tác điều hành, quản lý, xử lý các vấn đề phát sinh ở cả cấp độ Công ty và các Chi nhánh, các Tổng kho.
- Việc rà soát, đánh giá ưu/nhược điểm từng loại hình kênh phân phối bán lẻ để xác định mục tiêu chiến lược phù hợp tại các Chi nhánh chưa được thực hiện quyết liệt.
- Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin kinh doanh trong nội bộ các Chi nhánh (Ban giám đốc Chi nhánh – phòng kinh doanh CN – phòng TCKT CN), giữa các Chi nhánh với nhau và giữa Chi nhánh với Công ty đã được tăng cường trong năm 2018 cần tiếp tục phát huy trong năm 2019.
- Cán bộ thị trường còn thụ động, chưa năng động và mạnh dạn đề xuất, kiến nghị các biện pháp để phát triển thị trường bền vững.
- Công tác đồng bộ hóa tiêu chuẩn sử dụng các vật tư, thiết bị tại các Tổng kho, trạm chiết nạp, trạm sơn sửa kiểm định bình gas còn nhiều bất cập cần phải điều chỉnh để đảm bảo tiết kiệm chi phí trong bảo dưỡng, thay thế.
- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, quy trình quản lý chất lượng, số lượng, định mức trong sơn sửa – kiểm định bình gas còn nhiều bất cập cần phải cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí.
- Một số khoản công nợ quá hạn kéo dài mặc dù đã được tập trung xử lý nhưng chưa được xử lý dứt điểm.
- Mặc dù có chuyển biến nhưng Lãnh đạo các phòng Công ty vẫn chưa thực sự chủ động trong công việc được giao, trong công tác phối kết hợp để xử lý công việc, BGĐ phải thường xuyên đôn đốc nhắc nhở. Việc phối hợp giữa các phòng chưa thực sự tốt.

2. Bài học kinh nghiệm.

Từ những kết quả và tồn tại nêu trên, Công ty CP kinh doanh KMB đã rút ra các bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch là:

- Ban lãnh đạo Công ty, trưởng phó các bộ phận và những cán bộ trực tiếp thực hiện, nhất là phòng Kinh doanh, 03 chi nhánh, phòng Tài chính Kế toán cần nắm chắc các nội dung chiến lược bán lẻ đã được Tổng công ty phê duyệt để làm cơ sở xây dựng các chương trình hành động cụ thể cho mỗi một nhiệm vụ chiến lược.
- Lấy công tác xây dựng kế hoạch SXKD hàng năm làm trọng tâm để kiện toàn chức năng quản lý – quản trị tại tất cả các cấp, tất cả các bộ phận trong Công ty. Ban giám đốc quyết liệt quán triệt chỉ đạo các bộ phận liên quan căn cứ vào thực tế thị trường, các nguồn lực hiện có của Công ty, từ đó đánh giá, phân tích kỹ để xây dựng mục tiêu kế hoạch đối với từng công tác trong hoạt động SXKD để làm cơ sở điều hành – quản lý – thực hiện.
- Cần có kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ thị trường về tiếp cận, nắm bắt thông tin, đặc điểm thị trường, thông tin khách hàng, hệ thống phân phối, dịch

vụ cung ứng và chăm sóc khách hàng, đánh giá so sánh các thương hiệu, kỹ năng tổng hợp – báo cáo – đề xuất.

- Tổng hợp, đánh giá, phân tích, xây dựng giá thành kinh doanh LPG/CNG, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các bộ phận liên quan thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao, cụ thể:
- Điều phối hợp lý nguồn hàng và kho chứa đảm bảo hỗ trợ tốt cho công tác bán lẻ; kiểm soát các chi nhánh bám sát chiến lược bán lẻ.
- Xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung nguồn lực thực hiện, đặc biệt chú trọng hoạt động kinh doanh LPG và ổn định kinh doanh CNG. Không ngừng nâng cao công tác an toàn vận hành kho, trạm, phát huy tối đa hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất đã được đầu tư.
- Tiếp tục rà soát hợp lý hóa chi phí để tăng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng điều kiện thực tế.
- Tăng cường công tác dự báo thị trường phục vụ kế hoạch nguồn hàng, cân đối tồn kho phù hợp với thời điểm xuất/nhập hàng.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ không để công nợ quá hạn phát sinh thêm. Triệt để thu hồi công nợ cũ.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác trả lương theo hướng động viên, khuyến khích người lao động hiệu quả, tránh cào bằng bình quân.
- Đoàn kết nhất trí trong tập thể lãnh đạo vì mục tiêu phát triển KMB, phát huy tốt sức mạnh của cả hệ thống chính trị; Nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, phát huy tốt vai trò của tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh.

PHẦN II : KẾ HOẠCH NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Thuận lợi:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Khí luôn hỗ trợ công tác bán lẻ, phát triển khách hàng PETROVIETNAM GAS.

- Việc tăng vốn thành công lên 51% của Tổng công ty khí tại KMB tạo điều kiện cho việc triển khai các chiến lược và hỗ trợ từ Tổng công ty cho công tác bán lẻ.

- Kế hoạch 5 năm 2016-2020, Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 tạo thuận lợi cho KMB xây dựng, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch.

- Chỉ đạo của HĐQT Tổng công ty về kế hoạch triển khai chiến lược bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016 – 2020 (Biên bản số 106/BB-KVN ngày 30/11/2017).

- Hệ thống hạ tầng phục vụ kinh doanh đã hoàn thành đầu tư trong những năm trước tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ kinh doanh, bắt đầu khai thác thêm khách hàng trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

- Công tác tăng cường quản trị Công ty bước đầu tạo một số chuyển biến trong hoạt động SXKD.

- Được sự hỗ trợ quan trọng từ TCT, đến nay Công ty đã giải quyết cơ bản các tồn tại về công nợ nội bộ và việc trích nộp các quỹ.

Khó khăn:

- Giá dầu tuy có phục hồi chậm từ quý III/2017 sang đến đầu năm 2018 nhưng đến cuối 2018 lại giảm mạnh và biến động khó dự đoán, phụ thuộc nhiều vào các biến động chính trị trên thế giới.

- Công tác dự báo, nắm bắt thông tin nguồn hàng gặp nhiều khó khăn trước tình hình khủng hoảng kinh tế và chính trị thế giới còn phức tạp.

- Sự cạnh tranh của các hãng luôn định giá thấp, cạnh tranh hệ thống kênh phân phối đến người tiêu dùng đang được các hãng triển khai mạnh, gây khó khăn cho các hãng gas uy tín lớn, xuất hiện nhiều hình thức cạnh tranh thiếu lành mạnh sử dụng các thế lực xấu để chèn ép, bảo kê trong kinh doanh bán lẻ LPG và ngày càng lan rộng.

- Các văn bản pháp luật của Nhà nước thiếu ổn định (về lĩnh vực kinh doanh khí) và chưa rõ ràng. Thực thi các quy định của Nhà nước chưa nghiêm nên chưa bảo hộ được quyền sở hữu thương hiệu: việc thu giữ vỏ bình lẫn nhau, buôn bán vỏ bình trái phép, sang chiết nạp lậu tiếp tục diễn biến phức tạp.

- Việc giảm sản lượng tiêu thụ cung cấp CNG cho khách hàng so với kế hoạch ban đầu triển khai dự án khí Thái Bình cùng với việc chưa có kế hoạch dài hạn tiếp theo cho việc phát triển CNG tại Miền Bắc sẽ tiếp tục gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh CNG.

- Việc triển khai đồng bộ các chiến lược bán lẻ của Tổng công ty nếu không được thực hiện kịp thời từ đầu năm 2019 sẽ tiếp tục khó khăn cho công tác bán lẻ của đơn vị trong việc triển khai chiến lược và giữ uy tín với khách hàng.

- Chiến lược truyền thông thương hiệu cho năm 2018 đã được Tổng Công ty đưa vào kế hoạch, tuy nhiên việc triển khai chưa được thực hiện, dẫn đến tạo độ trễ không cùng song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng của KMB theo mục tiêu tăng trưởng nhanh trong Chiến lược năm 2018.

- Chiến lược mua bán sát nhập cần quyết liệt triển khai để từng bước chiếm lĩnh thị phần.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Dự đoán tình hình phát triển kinh tế vĩ mô thế giới, khu vực, tình hình thị trường LPG Việt Nam năm 2019.

- Chiến lược phát triển Tổng Công ty Khí Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

- Chiến lược thị trường bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Kịch bản giá dầu và Dự báo của Tổng Công ty Khí về giá các sản phẩm khí.

- Năng lực hiện có của Công ty.

- Tình hình thị trường công nghiệp, thị trường dân dụng từng vùng.

III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Thực hiện theo Chiến lược thị trường bán lẻ LPG đã được TCT phê duyệt.

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2019 được Tổng Công ty Khí phê duyệt và Đại hội cổ đông thông qua.

- Tiếp tục tăng cường quản trị Công ty đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả SXKD, ổn định tổ chức không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD và đời sống người lao động.

- Vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả các Tổng kho LPG từ Đà Nẵng trở ra, các trạm giảm áp PRU, hệ thống vận chuyển, phân phối LPG, CNG; phối hợp với các đối tác cung ứng dịch vụ đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục.

- Ổn định nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh 2019.

- Định vị, bảo vệ và phát triển thương hiệu PetroVietNam Gas theo định hướng của Tổng Công ty Khí, tiếp tục thực hiện đồng bộ 4 chiến lược: Chiến lược cạnh tranh; Chiến lược kênh phân phối; Chiến lược marketing; Chiến lược thương hiệu.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ khách hàng để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát tiết giảm chi phí hợp lý để tăng hiệu quả kinh doanh và tính cạnh tranh trong kinh doanh, chuẩn hóa trang thiết bị trong toàn công ty, ban hành thêm các định mức chi phí.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ với người lao động theo quy định của pháp luật. Triển khai các chế độ lương, thưởng gắn với hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận.

- Đàm phán khách hàng linh hoạt chuyển đổi nhiên liệu đốt thay thế song song với khí CNG. Đảm bảo hiệu quả tiêu thụ sản lượng CNG được TCT giao.

- Triển khai đa dạng hóa hoạt động kinh doanh (XK, dịch vụ ...) trong phạm vi ngành nghề để tăng cường hiệu quả kinh doanh.

- Đẩy mạnh công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng.

- Tiếp tục tái cơ cấu để không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD.

- Hỗ trợ các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niện, Nữ công, Hội cựu chiến binh hoạt động hiệu quả.

IV. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
I	Sản lượng		
1	LPG	Tấn	215.060
	LPG công nghiệp	*tấn*	*125.000*
	LPG dân dụng	*tấn*	*90.060*
2	Khí nén CNG	Tr.SM3	40
II	Vốn điều lệ (*dự kiến sau phát hành CP riêng lẻ cho PVGAS*)	tỷ đồng	365
III	Doanh thu	tỷ đồng	3.614,3
IV	Chỉ tiêu lao động		
1	Lao động định biên	người	499
2	Thu nhập bình quân người lao động	trđ/tháng	13,53
V	Lợi nhuận trước thuế (*)	tỷ đồng	17,69
VI	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	14,15
VII	Nộp ngân sách	tỷ đồng	22,4

(LNTT bao gồm chính sách giá đầu vào cạnh tranh của Tổng công ty)*

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

1. Về công tác kinh doanh.

Giải pháp về nguồn hàng:

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Nhà máy lọc dầu Dung quất, KDK, PVGASD (về CNG) các đơn vị cấp nguồn khác và đơn vị vận tải điều phối hợp lý hàng hóa theo kế hoạch sản xuất của nhà máy và của Công ty. Đảm bảo nguồn hàng cung cấp đủ và kịp thời cho các khách hàng LPG và CNG.

- Theo dõi chặt chẽ biến động giá cả để có biện pháp điều tiết hàng hóa kịp thời đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Liên tục giám sát, quản lý chặt chẽ công nợ, tồn kho.

- Điều tiết tàu hợp lý đảm bảo khai thác tối đa hiệu quả các kho chứa LPG của công ty. Tăng cường công tác dịch vụ để tiếp tục thực hiện các hợp đồng cho thuê kho và phát triển khách thuê kho mới. Hạn chế tối đa việc thuê kho ngoài.

- Phối hợp với PVGASD đảm bảo nguồn cung CNG ổn định cho khách hàng nhằm ổn định kinh doanh CNG của KMB và hoạt động sản xuất của khách hàng.

Giải pháp bán hàng công nghiệp:

- Tập trung ổn định, tăng cường chăm sóc các khách hàng truyền thống cùng với việc phát triển khách hàng mới, đảm bảo phát triển bền vững hệ thống khách hàng. Định hướng vào các khách hàng tiêu thụ trực tiếp, có sản lượng tiêu thụ ổn hàng thanh toán tốt, lợi nhuận tốt và đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao. Quản lý chặt chẽ, tăng cường thu hồi công nợ khách hàng.

- Tăng cường dịch vụ khách hàng thông qua công tác tư vấn BDSC, AT cho các thiết bị, hệ thống LPG của khách.

- Kiểm soát chặt chẽ sản lượng tiêu thụ của từng khách hàng theo đúng cam kết trong hợp đồng. Tăng cường công tác phối hợp với khách hàng để kịp thời nắm bắt thông tin về thuận lợi khó khăn trong hoạt động kinh doanh của khách hàng điều tiết bán hàng đảm bảo kế hoạch.

- Tiếp tục triển khai xuất khẩu hàng sang Trung quốc và Lào để điều tiết lại sản lượng và mở rộng thị trường.

- Tiếp tục tìm kiếm đơn vị cho thuê đất tại các kho; cho thuê kho để tăng vòng quay kho.

- Giảm chi phí kho, quản lý thu hồi công nợ khách hàng.

- Duy trì thỏa thuận giữa các đơn vị trong hiệp hội gas về phối hợp bán hàng công nghiệp tránh cạnh tranh không lành mạnh, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh chung của các bên.

Giải pháp bán lẻ:

- Xây dựng chiến lược chi tiết, triển khai kế hoạch phát triển thị trường theo Chiến lược thị trường bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Chủ động thông tin, phối hợp tham gia với cơ quan chức năng chống gian lận thương mại và hàng giả trên thị trường. Đồng thời tích cực liên kết với các doanh nghiệp gas, trạm chiết nạp ở các khu vực để nâng mặt bằng giá, thống nhất mức giá đảm bảo hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi phí và công nợ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh, tăng tính cạnh tranh và phát triển thị trường bền vững.

- Đầu tư, xây dựng và phát triển hệ thống bán lẻ trực tiếp tại các thị trường trọng điểm và trung tâm các tỉnh/thành nhằm điều tiết hệ thống phân phối và nắm bắt tình hình thị trường nhanh chóng, tăng cường quản lý và bán hàng tới người tiêu dùng. Phân loại khách hàng để có chính sách hỗ trợ phát triển bán bình PVGAS. Điều chỉnh chính sách hỗ trợ tổng đại lý phát triển, mở rộng kinh doanh và tạo sự gắn kết trong hệ thống tổng đại lý – đại lý.

- Đầu tư vỏ bình mới kịp thời, có hiệu quả, phù hợp với sản lượng bán hàng tăng thêm. Đẩy mạnh dịch vụ hỗ trợ bán hàng bình 45kg.

- Triển khai các chương trình quảng cáo, khuyến mại và tổ chức các chương trình bốc thăm trúng thưởng cho người tiêu dùng trực tiếp, tại các khu vực thị trường trọng điểm.

- Khai thác tối đa các phương tiện vận chuyển, kho chứa, trạm nạp LPG thuộc sở hữu, hạn chế thuê nhiều trạm nạp nhỏ và chủ động thuê phương tiện vận chuyển đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng.

- Triển khai dịch vụ cho thuê kho và trạm Sơn sửa kiểm định tại các khu vực kho trạm của Công ty.

- Tìm kiếm khách hàng có nhu cầu sơn sửa kiểm định vỏ bình trên thị trường.

- Xem xét, đề xuất hợp tác, mua lại các thương hiệu gas trên thị trường theo chiến lược để nâng cao thị phần kinh doanh.

Giải pháp ổn định kinh doanh CNG, LNG:

- Cập nhật thường xuyên kế hoạch khai thác và phân bổ khí CNG của TCT.

- Theo dõi biến động giá dầu để chủ động điều tiết sản lượng.

- Quản lý chặt chẽ sản lượng tiêu thụ, công nợ của từng khách hàng, quản lý hao hụt trong giao nhận khí.

- Xây dựng kế hoạch cấp LPG dự phòng cho các khách hàng có nhu cầu khi nguồn cung CNG chưa đủ đáp ứng.

- Giữ thông tin thường xuyên và liên tục với khách hàng cập nhật thường xuyên các ý kiến của khách hàng về dịch vụ cung cấp khí và chất lượng khí.

- Triển khai các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ công tác BDSC đảm bảo cung cấp khí ổn định và an toàn.

- Tiếp tục phối hợp với Tổng công ty xây dựng chính sách bán hàng dài hạn (03 năm) và chính sách giá bán hợp lý ở mức giá dầu cao đảm bảo phát triển bền vững thị trường CNG tạo tâm lý yên tâm cho khách hàng.

- Tiếp tục công việc phối hợp từ 2018 với Tổng công ty, Công ty LNG chuẩn bị thị trường và có phương án tiếp theo khi Tổng công ty có sản phẩm LNG.

2. Công tác đầu tư xây dựng.

- Làm việc với các bên liên quan để hoàn thiện hồ sơ công trình và quyết toán hoàn thành các công trình, trạm nạp của Công ty.

- Dự án Trạm nạp LPG Thái Nguyên: triển khai thi công và hoàn thành đưa công trình vào vận hành phục vụ SXKD.

- Đánh giá, lựa chọn đối tác để triển khai Giai đoạn 2 các dự án Tổng kho LPG, tăng hiệu quả đầu tư, khai thác tối đa quỹ đất các dự án.

3. Tổ chức nhân sự.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự cho Công ty; Hoàn thiện việc xây dựng các quy trình, quy chế làm việc, quy hoạch cán bộ theo định hướng chiến lược của Công ty nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng lao động và phù hợp với những quy định mới của Pháp luật;

- Xây dựng và áp dụng hệ thống quy chế lương, thưởng phù hợp theo hướng gắn liền tiền lương, thu nhập của người lao động với chất lượng lao động và hiệu quả công tác, coi trọng trình độ chuyên môn, tay nghề cao, lao động có kỹ thuật cao, kỷ luật cao…

- Triển khai hoàn thiện và thực hiện kế hoạch đào tạo tại Công ty và các chi nhánh.

4. Tài chính kế toán.

- Triển khai ổn định phần mềm kế toán Bravo 7.0 R2 và nâng cao năng lực kiểm soát hoạt động thông qua phần mềm.

- Tiếp tục làm việc giám sát chặt chẽ các đơn vị có công nợ quá hạn để đảm bảo hiệu quả SXKD.

- Tiếp tục rà soát lại các chi phí cố định, tiết giảm những chi phí biến đổi, đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được Tổng công ty Khí giao.

- Kiểm soát chặt chẽ công nợ không để phát sinh thêm nợ khó đòi và tiếp tục xử lý các khoản nợ khó đòi từ năm 2016 trở về trước.

- Cân đối dòng tiền hợp lý, phát huy tối đa vòng quay dòng tiền sử dụng có hiệu quả để tăng hiệu quả kinh doanh sau khi hoàn thành tăng vốn.

- Lập, nộp và cung cấp thông tin liên quan đến báo cáo tài chính đúng thời hạn.

5. Kỹ thuật – An toàn.

- Xây dựng đánh giá rủi ro định lượng, chương trình quản lý an toàn, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp cho các Trạm chiết nạp LPG, Trạm CNG trong toàn Công ty;

- Mua bảo hiểm đầy đủ theo quy định pháp luật cho tài sản và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện đánh giá nội bộ và kiểm tra an toàn tại các đơn vị sản xuất LPG và CNG trực thuộc Công ty;

- Kiểm tra an toàn định kỳ xe bồn LPG và CNG ra vào làm hàng tại các kho, trạm chiết nạp của Công ty;

- Bồi dưỡng chế độ làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm độc hại

- Tổ chức thực tập PCCC với lực lượng PCCC chuyên nghiệp tại Tổng kho LPG và Trạm chiết nạp;

- Kiểm định định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, thiết bị phòng nổ tại các kho, trạm;

- Tiếp tục triển khai thực hiện đào tạo cho CBCNV làm công tác an toàn, sức khoẻ, môi trường theo quy định của Tập đoàn DKVN.

6. Công tác đoàn thể.

- Thăm hỏi, động viên kịp thời các trường hợp ốm đau, thai sản, hiếu hỉ trong Công ty, tạo niềm tin và sự gắn bó của CBCNV với Công ty.

- Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi của mình, đặc biệt là các chế độ nghỉ ngơi, thai sản, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản, chế độ ốm đau...

- Thực hiện công tác an sinh xã hội, tích cực đẩy mạnh phong trào thi đua, hăng say lao động sản xuất, để đoàn kết phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

VI. KIẾN NGHỊ

Để hoàn thành kế hoạch năm 2019, Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Bắc kính đề nghị Tổng Công ty Khí Việt Nam các nội dung sau:

1. Tổng công ty sớm triển khai đồng bộ kế hoạch truyền thông phát triển thương hiệu PetroVietnamGas để song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng của KMB theo mục tiêu tăng trưởng trong Chiến lược năm 2019; hỗ trợ KMB tiếp tục triển khai chiến lược mua lại các thương hiệu để tăng thị phần.
2. Do các hợp đồng mua bán khí có thời hạn dài nên khách hàng luôn mong muốn KMB và Tổng công ty Khí có chính sách sản lượng và giá bán CNG ổn định lâu dài, có tính cạnh tranh khi giá dầu tăng lên để ổn định kế hoạch sản xuất kinh doanh của KMB với khách hàng tiêu thụ CNG.
3. Tiếp tục hỗ trợ KMB thông qua làm việc với tập đoàn xử lý dứt điểm công nợ PVTEX.

GIÁM ĐỐC

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Signature Not Verified
Ký bởi: TRẦN TRỌNG HUỲ
Ký ngày: 14/3/2019 09:22:41

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trọng Hữu	Chủ tịch
Ông Đoàn Trúc Lâm	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên
Ông Trịnh Văn Minh	Thành viên
Ông Vương Dũng Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Trúc Lâm	Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc
Ông Tạ Quốc Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0102311149 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC - Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Đoàn Trúc Lâm
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax: +84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 598 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**725.470.751.413**	**710.485.216.926**
I. Tiền	**110**	**4**	**33.888.421.309**	**48.990.526.119**
1. Tiền	111		33.888.421.309	48.990.526.119
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**26.800.000.000**	**16.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	26.800.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**477.889.429.899**	**480.714.924.002**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	498.968.204.932	492.126.193.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.909.707.008	7.001.803.080
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	44.366.652.109	38.258.348.741
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(69.355.885.447)	(56.672.323.546)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		751.297	902.400
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**69.916.763.169**	**83.282.503.059**
1. Hàng tồn kho	141		69.916.763.169	83.282.503.059
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**116.976.137.036**	**81.497.263.746**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.725.913.896	4.679.903.114
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		111.219.319.001	75.127.462.390
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.030.904.139	1.689.898.242

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**725.726.096.479**	**745.047.388.441**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**8.112.954.598**	**15.112.954.598**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	8.112.954.598	15.112.954.598
II. Tài sản cố định	**220**		**405.525.105.145**	**434.455.896.129**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	401.898.763.122	431.829.702.725
- Nguyên giá	*222*		*689.769.767.706*	*682.192.281.468*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(287.871.004.584)*	*(250.362.578.743)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.626.342.023	2.626.193.404
- Nguyên giá	*228*		*5.836.321.456*	*4.269.781.456*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(2.209.979.433)*	*(1.643.588.052)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**14**	**24.014.662.414**	**24.842.563.084**
- Nguyên giá	231		26.427.782.233	26.427.782.233
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(2.413.119.819)	(1.585.219.149)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**15**	**10.012.897.065**	**6.011.713.018**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.012.897.065	6.011.713.018
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**10.000.000.000**	**11.920.000.000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	35.000.000.000	36.920.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**268.060.477.257**	**252.704.261.612**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	268.060.477.257	252.704.261.612
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**1.451.196.847.892**	**1.455.532.605.367**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.044.217.310.136**	**1.060.406.019.421**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**939.351.629.648**	**968.329.780.573**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	481.829.321.478	495.610.557.244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.053.085.274	693.550.547
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.048.858.880	3.026.259.957
4. Phải trả người lao động	314		17.097.587.690	15.506.095.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.405.571.276	4.733.532.221
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	864.029.291	864.029.291
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.504.804.656	24.227.668.896
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	417.548.371.103	423.668.087.158
II. Nợ dài hạn	**330**		**104.865.680.488**	**92.076.238.848**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	23.328.790.844	24.192.820.136
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	81.536.889.644	67.883.418.712
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**406.979.537.756**	**395.126.585.946**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**406.979.537.756**	**395.126.585.946**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		277.198.500.000	277.198.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*277.198.500.000*	*277.198.500.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.717.060.000	19.717.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.824.619.704	83.824.619.704
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.239.358.052	14.386.406.242
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*14.162.706.242*	*1.194.059.996*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*12.076.651.810*	*13.192.346.246*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**1.451.196.847.892**	**1.455.532.605.367**

Hoàng Thị Thùy Chi	Phạm Thị Diệu Thúy	Phạm Trúc Lâm
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**4.054.934.391.286**	**3.552.348.417.374**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	**10**	**24**	**4.054.934.391.286**	**3.552.348.417.374**
3. Giá vốn hàng bán	11	25	3.561.799.671.986	3.049.332.667.590
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**493.134.719.300**	**503.015.749.784**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.870.756.314	2.136.363.257
6. Chi phí tài chính	22	28	24.241.137.924	19.054.594.514
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*19.022.885.026*	*18.409.508.759*
7. Chi phí bán hàng	25	29	398.020.688.840	404.323.588.576
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	60.210.372.127	68.292.316.322
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**14.533.276.723**	**13.481.613.629**
10. Thu nhập khác	31		548.321.354	1.019.714.949
11. Chi phí khác	32		4.973.594	72.231.114
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**543.347.760**	**947.483.835**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**15.076.624.483**	**14.429.097.464**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	2.963.972.673	1.231.348.339
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**12.112.651.810**	**13.197.749.125**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**31**	**428**	**467**

Hoàng Thị Thùy Chi	**Phạm Thị Diệu Thúy**	**Đoàn Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***15.076.624.483***	***14.429.097.464***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	37.060.962.178	43.686.109.902
Các khoản dự phòng	03	12.683.561.901	12.421.294.301
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ	04	966.475.759	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.151.119.890)	(1.873.534.856)
Chi phí lãi vay	06	19.022.885.026	18.409.508.759
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***80.659.389.457***	***87.072.475.570***
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(41.782.106.360)	(151.619.095.945)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	13.560.730.835	(30.707.469.313)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.916.846.359)	(169.951.918)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(13.274.365.460)	16.248.813.048
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.867.506.309)	(18.308.559.292)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.355.557.560)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (Chênh lệch số dư Tiền tại thời điểm sáp nhập và tiền chi mua vốn góp Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại TQT)	16	809.811.964	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(259.700.000)	(5.402.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***7.573.850.208***	***(97.489.190.729)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.373.404.311)	(25.577.729.800)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	180.000.000	86.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.800.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.481.284.050	1.995.831.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(16.512.120.261)***	***(23.495.398.066)***

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.495.786.649.785	2.471.890.572.782
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.501.906.365.840)	(2.334.382.170.851)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(94.828.559)	(63.926.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(6.214.544.614)***	***137.444.475.186***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(15.152.814.667)**	**16.459.886.391**
Tiền đầu năm	**60**	**48.990.526.119**	**32.530.639.728**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	50.709.857	-
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**33.888.421.309**	**48.990.526.119**

Hoàng Thị Thùy Chi	**Phạm Thị Diệu Thúy**	**Đoàn Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 6 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là PVG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 495 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 477).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh phân đạm, amoniac, các sản phẩm hóa chất khác, các dịch vụ trong kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị kho chứa, trạm chiết nạp LPG và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh LPG và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện, kho bãi, trạm chiết nạp LPG và sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu khí.

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu là kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 4 chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Bắc Bộ;
- Chi nhánh Duyên Hải;
- Chi nhánh Miền Trung;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TQT.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các chi nhánh phụ thuộc và văn phòng Công ty. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các chi nhánh phụ thuộc với văn phòng Công ty, và giữa các chi nhánh phụ thuộc với nhau được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm khấu hao)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 22
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 9
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 7

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 20 năm đối với quyền sử dụng đất, và 3 năm đối với phần mềm máy tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 32 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước cho giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa và các chi phí trả trước khác.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm. Nguyên giá bình gas mua vào bao gồm chi phí mua bình gas và các chi phí liên quan khác để bình gas ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời hạn của hợp đồng thuê vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của Hệ thống kho chứa LPG tại Đình Vũ - Hải Phòng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền nhận được từ ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ vào thu nhập theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	4.337.001.055	2.611.497.085
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.551.420.254	46.379.029.034
	33.888.421.309	**48.990.526.119**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	26.800.000.000	26.800.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 16 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**35.000.000.000**	**(25.000.000.000)**	**36.920.000.000**	**(25.000.000.000)**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (**)	*25.000.000.000*	*(25.000.000.000)*	*25.000.000.000*	*(25.000.000.000)*
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	*10.000.000.000*	-	*10.000.000.000*	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TQT (***)	-	-	*1.920.000.000*	-

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang sở hữu 2.500.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam) với số tiền đầu tư là 25 tỷ VND, tương đương với 5% vốn góp. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào công ty này. Ban Giám đốc tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam so với báo cáo tài chính gần nhất mà Công ty thu thập được dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến mức dự phòng Công ty đã trích lập.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án mua thêm vốn góp và thực hiện sáp nhập Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TQT, sau khi sáp nhập, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TQT trở thành chi nhánh của Công ty.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	***451.451.789.132***	***440.211.921.170***
Công ty TNHH Tú An	83.749.846.145	48.805.912.535
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Chi nhánh Thái Nguyên	22.735.506.551	29.200.996.101
Công ty TNHH Dầu khí Gia Định	19.597.783.226	25.219.914.662
Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	-	8.277.018.750
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18.912.271.999	18.941.816.503
Công ty TNHH MTV Gas Venus	5.023.811.100	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Bùi Nguyễn Gia Phát	12.170.895.171	10.726.773.931
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	8.007.006.370	18.158.281.214
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà	5.896.043.609	5.999.977.189
Các khách hàng khác	275.358.624.961	274.881.230.285
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 33)	***47.516.415.800***	***51.914.272.157***
	498.968.204.932	**492.126.193.327**

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	2.083.299.183	4.542.866.585
Hàng vay trả	30.523.414.138	10.968.267.803
Thuế GTGT chờ hoàn	-	13.533.768.643
Lãi tiền gửi và đầu tư khác dự thu	1.282.361.509	952.461.969
Chênh lệch vận tải	3.524.385.380	1.660.882.597
Phải thu khác	5.094.989.745	4.079.994.388
Ký quỹ, ký cược	1.858.202.154	2.520.106.756
	44.366.652.109	**38.258.348.741**
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	8.112.954.598	15.112.954.598
	8.112.954.598	**15.112.954.598**

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Đối tượng	**70.959.869.010**	**1.603.983.563**		**77.196.775.795**	**20.524.452.249**	
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	*46.789.648.142*	-	*Trên 3 năm*	*47.089.648.142*	*14.126.894.441*	*Từ 2 năm đến 3 năm*
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	*18.912.271.999*	-	*Trên 3 năm*	*18.896.827.075*	*3.641.156.165*	*Trên 3 năm*
Doanh nghiệp tư nhân Đức Cường	*2.034.255.822*	-	*Trên 3 năm*	*2.064.255.822*	-	*Trên 3 năm*
Công ty TNHH An Thịnh Đức	-	-	*Trên 3 năm*	*1.937.201.954*	*480.740.000*	*Trên 3 năm*
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gas và Sản phẩm Dầu khí Hà Nội	*919.712.205*	-	*Trên 3 năm*	*919.712.205*	-	*Trên 3 năm*
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	-	-	*Trên 3 năm*	*965.969.508*	-	*Trên 3 năm*
Các đối tượng khác	*2.303.980.842*	*1.603.983.563*	*Từ 1 năm đến trên 3 năm*	*5.323.161.089*	*2.275.661.643*	*Từ 1 năm đến trên 3 năm*

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	13.195.438.048	-	14.006.633.474	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.219.177.428	-	4.561.615.359	-
Công cụ, dụng cụ	589.654.132	-	2.673.514.211	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.367.900.454	-	828.990.454	-
Thành phẩm	284.871.621	-	490.013.459	-
Hàng hóa	51.259.721.486	-	60.721.736.102	-
	69.916.763.169	**-**	**83.282.503.059**	**-**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.725.913.896	4.679.903.114
	2.725.913.896	**4.679.903.114**
b) Dài hạn		
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (i)	152.881.629.975	145.643.646.699
Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước	97.924.758.949	83.411.106.308
Tiền lãi chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	3.999.999.998	6.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.254.088.335	17.649.508.605
	268.060.477.257	**252.704.261.612**

(i) Khoản mục chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ biến động trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	145.643.646.699	169.746.939.775
Tăng trong năm	48.626.679.206	11.609.387.325
Kết chuyển vào chi phí	(41.388.695.930)	(35.712.680.401)
Số dư cuối năm	**152.881.629.975**	**145.643.646.699**

(ii) Phản ánh tiền lãi phát sinh còn phải phân bổ do chậm nộp tiền bán cổ phần lần đầu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền lãi chậm nộp nêu trên cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian còn lại của Hệ thống kho chứa LPG tại Đình Vũ - Hải Phòng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc phân bổ như trên hoàn toàn phù hợp với mục đích sử dụng của khoản tiền thu từ cổ phần hóa để lại Công ty trong giai đoạn 2007-2010.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải thu/phải nộp	Số đã thu/đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.361.451.110	93.885.821.799	95.069.298.654	177.974.255
- Thuế GTGT đầu ra	*1.361.451.110*	*15.842.997.290*	*17.026.474.145*	*177.974.255*
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	*78.042.824.509*	*78.042.824.509*	-
Thuế nhập khẩu	511.681.200	38.267.254.907	37.606.854.316	1.172.081.791
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.485.164.522)	2.963.972.673	4.355.557.560	(2.876.749.409)
Thuế thu nhập cá nhân	947.156.437	239.323.990	649.464.394	537.016.033
Thuế khác	1.237.490	1.382.727.027	1.376.332.446	7.632.071
Cộng	**1.336.361.715**	**136.739.100.396**	**139.057.507.370**	**(982.045.259)**
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	*1.689.898.242*			*3.030.904.139*
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	*3.026.259.957*			*2.048.858.880*

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**310.391.121.546**	**353.343.016.926**	**13.404.602.242**	**3.727.344.451**	**1.326.196.303**	**682.192.281.468**
Mua mới trong năm	150.794.000	590.433.637	-	-	-	741.227.637
XDCB hoàn thành	-	5.777.934.624	-	-	-	5.777.934.624
Tăng do sáp nhập	350.175.249	2.701.264.557	-	-	88.587.545	3.140.027.351
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.641.534.624)	(440.168.750)	-	-	(2.081.703.374)
Số dư cuối năm	**310.892.090.795**	**360.771.115.120**	**12.964.433.492**	**3.727.344.451**	**1.414.783.848**	**689.769.767.706**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**101.579.903.817**	**133.003.311.374**	**12.204.220.843**	**2.493.200.392**	**1.081.942.317**	**250.362.578.743**
Khấu hao trong năm	17.507.371.500	17.545.921.622	384.438.524	40.245.363	161.693.118	35.639.670.127
Tăng do sáp nhập	350.175.249	2.033.432.594	-	-	88.587.545	2.472.195.388
Thanh lý, nhượng bán	-	(163.270.915)	(440.168.759)	-	-	(603.439.674)
Số dư cuối năm	**119.437.450.566**	**152.419.394.675**	**12.148.490.608**	**2.533.445.755**	**1.332.222.980**	**287.871.004.584**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**208.811.217.729**	**220.339.705.552**	**1.200.381.399**	**1.234.144.059**	**244.253.986**	**431.829.702.725**
Tại ngày cuối năm	**191.454.640.229**	**208.351.720.445**	**815.942.884**	**1.193.898.696**	**82.560.868**	**401.898.763.122**

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 74.727.474.843 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 68.069.013.645 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**1.289.625.670**	**2.980.155.786**	**4.269.781.456**
Mua mới trong năm	1.593.540.000	-	1.593.540.000
Giảm khác	(27.000.000)	-	(27.000.000)
Số dư cuối năm	**2.856.165.670**	**2.980.155.786**	**5.836.321.456**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**986.608.572**	**656.979.480**	**1.643.588.052**
Khấu hao trong năm	508.130.091	85.261.290	593.391.381
Giảm khác	(27.000.000)	-	(27.000.000)
Số dư cuối năm	**1.467.738.663**	**742.240.770**	**2.209.979.433**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**303.017.098**	**2.323.176.306**	**2.626.193.404**
Tại ngày cuối năm	**1.388.427.007**	**2.237.915.016**	**3.626.342.023**

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 901.890.670 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 888.890.670 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**26.427.782.233**	**26.427.782.233**
Số dư cuối năm	**26.427.782.233**	**26.427.782.233**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**1.585.219.149**	**1.585.219.149**
Khấu hao trong năm	827.900.670	827.900.670
Số dư cuối năm	**2.413.119.819**	**2.413.119.819**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	**24.842.563.084**	**24.842.563.084**
Tại ngày cuối năm	**24.014.662.414**	**24.014.662.414**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị Nhà xưởng nạp chai LPG cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê. Bất động sản đầu tư này đã được đưa vào sử dụng từ tháng 01 năm 2014.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	10.012.897.065	6.011.713.018
Trong đó:		
+) Hệ thống cấp khí cho Công ty TNHH Saint Gobain Việt Nam	*7.181.450.909*	-
+) Trạm nạp Thái Nguyên	*2.831.446.156*	*2.199.313.018*
+) Các công trình xây dựng trạm CNG	-	*3.812.400.000*
	10.012.897.065	**6.011.713.018**

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	***104.640.937.618***	***104.640.937.618***	***132.583.891.044***	***132.583.891.044***
E1 Corporation	62.257.355.388	62.257.355.388	87.067.468.613	87.067.468.613
Công ty Cổ phần Năng lượng GE Việt Nam	6.466.251.224	6.466.251.224	6.664.943.338	6.664.943.338
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	2.836.908.449	2.836.908.449	10.129.910.992	10.129.910.992
Các đối tượng khác	33.080.422.557	33.080.422.557	28.721.568.101	28.721.568.101
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 33)	***377.188.383.860***	***377.188.383.860***	***363.026.666.200***	***363.026.666.200***
	481.829.321.478	**481.829.321.478**	**495.610.557.244**	**495.610.557.244**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	455.619.941	300.241.224
Chi phí xây dựng các trạm nạp CNG chưa quyết toán	99.702.039	573.870.455
Chi phí xây dựng công trình Maxsun	-	1.065.471.140
Chi phí thuê vỏ bình	4.991.324.296	1.527.961.450
Chi phí khác	858.925.000	1.265.987.952
	6.405.571.276	**4.733.532.221**

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu nhận trước cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng	24.192.820.135	25.056.849.427
- Ngắn hạn	*864.029.291*	*864.029.291*
- Dài hạn	*23.328.790.844*	*24.192.820.136*
	24.192.820.135	**25.056.849.427**

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả hàng vay	4.898.806.393	15.348.615.298
Cổ tức phải trả	1.674.690.580	1.769.519.139
Nhận ký quỹ, ký cược	19.890.000	-
Các khoản khác	3.911.417.683	7.109.534.459
	10.504.804.656	**24.227.668.896**
Dài hạn		
Ký cược vỏ bình gas (i)	81.536.889.644	67.883.418.712
	81.536.889.644	**67.883.418.712**

(i) Khoản mục tiền ký cược vỏ bình gas trong năm biến động như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	67.883.418.712	64.529.817.686
Nhận ký cược vỏ bình gas trong năm	30.308.541.677	20.053.199.000
Kết chuyển vào doanh thu	(16.235.097.781)	(15.802.779.213)
Hoàn tiền đặt cọc vỏ bình gas	(419.972.964)	(896.818.761)
Số dư cuối năm	**81.536.889.644**	**67.883.418.712**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	423.668.087.158	423.668.087.158	2.495.786.649.785	2.501.906.365.840	417.548.371.103	417.548.371.103
Cộng	**423.668.087.158**	**423.668.087.158**	**2.495.786.649.785**	**2.501.906.365.840**	**417.548.371.103**	**417.548.371.103**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	138.162.095.447	282.853.059.667
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	163.351.132.731	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (iii)	87.044.184.673	140.815.027.491
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (iv)	28.990.958.252	-
	417.548.371.103	**423.668.087.158**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 17 tháng 12 năm 2018 có mức dư nợ tối đa là 350.000.000.000 VND, gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay được bảo đảm bằng cầm cố tài khoản tiền gửi 16.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thời hạn cho vay không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn vay. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức có mức dư nợ tối đa là 300.000.000.000 VND. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 16 tháng 4 năm 2019. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng lần rút vốn.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức có mức dư nợ tối đa là 150.000.000.000 VND. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2019. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng lần rút vốn.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức có mức dư nợ tối đa là 150.000.000.000 VND. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2019. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng lần rút vốn.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	1.194.059.996	381.934.239.700
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.197.749.125	13.197.749.125
Giảm khác	-	-	-	(5.402.879)	(5.402.879)
Số dư đầu năm nay	**277.198.500.000**	**19.717.060.000**	**83.824.619.704**	**14.386.406.242**	**395.126.585.946**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.112.651.810	12.112.651.810
Chi thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(59.700.000)	(59.700.000)
Số dư cuối năm nay	**277.198.500.000**	**19.717.060.000**	**83.824.619.704**	**26.239.358.052**	**406.979.537.756**

(*) Chi thưởng Ban điều hành được trích theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD-KMB ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông.

Vốn điều lệ

Chi tiết vốn điều lệ góp bởi các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	186.306.310.000	35,88	99.466.310.000	35,88	99.466.310.000	35,88
Các cổ đông khác	90.892.190.000	64,12	177.732.190.000	64,12	177.732.190.000	64,12
	277.198.500.000	**100**	**277.198.500.000**	**100**	**277.198.500.000**	**100**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	*27.719.850*	*27.719.850*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	*27.719.850*	*27.719.850*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã nhận bàn giao và quản lý 126.844 chai LPG theo Hợp đồng thuê chai LPG số 15a/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 19 tháng 01 năm 2017 và Hợp đồng thuê vỏ bình số 216/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các chi nhánh là kinh doanh gas hóa lỏng; các hoạt động liên quan đến cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh sản phẩm chính gas hóa lỏng và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh gas hóa lỏng và các dịch vụ phụ trợ nêu trên.

Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không có khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh gas và CNG	3.998.084.500.705	3.497.389.471.131
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	56.849.890.581	54.958.946.243
Tổng cộng	**4.054.934.391.286**	**3.552.348.417.374**
Trong đó:		
- Doanh thu từ các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 33)	*46.742.083.411*	*26.507.341.063*

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.540.077.545.370	3.034.435.569.014
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.722.126.616	14.897.098.576
	3.561.799.671.986	**3.049.332.667.590**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.726.413.929	24.284.176.207
Chi phí nhân công	75.769.668.847	78.088.845.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	37.060.962.178	43.686.109.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.246.861.116	315.855.598.720
Chi phí khác bằng tiền	37.788.590.467	36.263.050.509
	526.592.496.537	**498.177.780.617**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.311.183.590	1.149.689.053
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	500.000.000	591.573.075
Lãi chênh lệch tỷ giá	59.572.724	395.101.129
	3.870.756.314	**2.136.363.257**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.022.885.026	18.409.508.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.218.252.898	645.085.755
	24.241.137.924	**19.054.594.514**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên	29.949.315.975	31.933.840.831
Chi phí khấu hao TSCĐ	757.271.143	789.529.125
Dự phòng phải thu khó đòi	12.183.561.901	10.918.544.331
Chi phí mua ngoài	15.701.985.884	19.109.088.122
Chi phí khác bằng tiền	1.618.237.224	5.541.313.913
	60.210.372.127	**68.292.316.322**
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên	45.150.737.193	45.716.031.692
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.303.691.035	42.715.013.043
Chi phí mua ngoài	287.870.527.348	264.672.778.236
Chi phí khác bằng tiền	28.695.733.264	51.219.765.605
	398.020.688.840	**404.323.588.576**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.963.972.673	1.231.348.339
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**2.963.972.673**	**1.231.348.339**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	15.076.624.483	14.429.097.464
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(256.761.118)	(102.693.187)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*(557.693.817)*	*(591.573.075)*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*300.932.699*	*488.879.888*
Chuyển lỗ	-	(8.169.662.582)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.819.863.365	6.156.741.695
Thuế suất	*20%*	*20%*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**2.963.972.673**	**1.231.348.339**

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	**12.112.651.810**	**13.197.749.125**
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	200.000.000	200.000.000
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	36.000.000	48.000.000
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**11.876.651.810**	**12.949.749.125**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.719.850	27.719.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**428**	**467**

Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành theo kế hoạch năm 2018 đã được chấp thuận tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-KMB ngày 26 tháng 4 năm 2018 để giảm trừ lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu với số được phê duyệt trích từ lợi nhuận trong năm 2018 là 200.000.000 VND.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2017 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-KMB ngày 26 tháng 4 năm 2018. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại như sau:

	Số trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)/Cổ phiếu)	274	467	193

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	10.008.513.100	4.886.289.900

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.025.150.243	12.806.042.050
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	56.344.610.120	30.976.871.700
Sau năm năm	6.306.762.687	-
	84.676.523.050	**43.782.913.750**

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

+ Tổng số tiền thuê 1.198 m^2 mặt sàn văn phòng của Công ty và 332 m^2 mặt sàn của Chi nhánh Bắc Bộ tại tầng 11, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Hà Nội trong vòng 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.

+ Tổng số tiền thuê 299.229 chai LPG từ Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP theo Hợp đồng thuê chai LPG số 15a/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 19 tháng 01 năm 2017, Hợp đồng thuê vỏ bình số 216/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 25 tháng 7 năm 2017 và Hợp đồng thuê vỏ bình số 340/2018/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 7 tháng 9 năm 2018 trong vòng 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Khoản mục đầu tư
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam - PVEIC	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**46.742.083.411**	**26.507.341.063**
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	599.960.000	582.750.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	40.838.027.969	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc	4.664.179	10.275.851
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	466.798.185	1.629.437.879
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	592.432.199	380.903.754
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	4.240.200.879	23.903.973.579
Mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản	**2.394.755.043.506**	**2.322.253.425.470**
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.195.417.888.268	1.110.177.545.978
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	838.831.326.472	813.907.746.611
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	330.473.862.623	331.987.222.834
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.385.504.906	35.800.213.073
Công ty Cổ phần Phân Bón & Hóa chất Dầu khí Miền Trung	15.238.314.800	14.833.697.000
Viện Dầu khí Việt Nam - Thuê văn phòng	8.408.439.847	8.859.596.068
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	105.690.433	1.997.942.453
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	1.935.122.735	1.809.901.945
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.709.156.155	2.879.559.508
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Dầu khí Việt Nam	200.033.000	-
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam - PVEIC	49.704.267	-

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.157.856.782	1.532.605.470

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng	**47.516.415.800**	**51.914.272.157**
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	46.789.648.142	47.089.648.142
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	6.315.473	493.160.126
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	225.420.000	242.922.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	37.015.000	133.430.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	28.325.000
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Nam	-	419.339.343
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	458.017.185	3.507.447.546
Phải trả người bán	**377.188.383.860**	**363.026.666.200**
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	154.463.491.386	231.347.337.566
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	205.131.930.637	93.378.055.328
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	3.519.671.784
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	16.195.466.758	33.605.785.872
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Nam	-	99.308.605
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	721.386.915
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	240.633.426	211.365.078
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.040.150.915	31.297.681
Viện Dầu khí Việt Nam	60.875.705	41.883.371
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí Việt Nam	-	70.574.000
Công ty Cổ phần Phân Bón & Hóa chất Dầu Khí Miền Trung	55.835.033	-

34. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường và ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐCĐ-KMB ngày 27 tháng 12 năm 2018 để thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGAS) với số lượng cổ phần dự kiến chào bán là 8.780.150 cổ phần (nâng tỷ lệ sở hữu của PVGAS lên 51,3%).

Hoàng Thị Thùy Chi	**Phạm Thị Diệu Thúy**	**Đoàn Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Số: /BC-HĐQT-KMB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 & KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty gồm 5 thành viên:

Nhân sự thành viên của HĐQT như sau:

- Ông Trần Trọng Hữu - Chủ tịch
- Ông Đoàn Trúc Lâm – Thành viên – Giám đốc
- Bà Hoàng Thị Thu Hằng – Thành viên – Phó Giám đốc
- Ông Trịnh Văn Minh - Thành viên
- Ông Vương Dũng Hoàng - Thành viên

Để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2018 giao, HĐQT Công ty đã tích cực triển khai các hoạt động theo Nghị quyết của Đại hội, quy định tại Điều lệ và các quy chế, cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2018:

Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCD thông qua, HĐQT đã bám sát tình hình thực tế thị trường và các nguồn lực của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết kịp thời để Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện hoạt động SXKD. Chủ tịch HĐQT thường xuyên khảo sát thực tế hoạt động của các bộ phận trong Công ty, tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tháng cùng với bộ máy điều hành của Công ty để theo dõi, giám sát và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, phối hợp với Giám đốc xử lý những khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD.

Trong năm 2018, hoạt động SXKD của công ty gặp một số khó khăn cụ thể như sau:

a) Kinh doanh LPG:

Năm 2018, thị trường thế giới: giá dầu, khí thế giới vẫn biến động nhiều. Giá LPG trong 9 tháng đầu năm khá ổn định nhưng có xu hướng giảm mạnh vào những tháng cuối năm, ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng tiêu thụ LPG của Công ty trong Quý IV.

Thị trường nguồn cung LPG trong và ngoài nước tiếp tục dư thừa. Thị trường kinh doanh LPG khu vực phía Bắc cạnh tranh quyết liệt, không lành mạnh; gian lận thương mại trong hoạt động kinh doanh LPG diễn ra công khai, rộng khắp.

Nghị định 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí (trong đó có LPG) đã xoá bỏ hoặc giảm hầu hết các yêu cầu bắt buộc về cơ sở vật chất như kho chứa LPG, trạm chiết nạp, số lượng chai LPG, thiết lập hệ thống phân phối... bước đầu xóa bỏ tâm lý hoạt động cầm chừng của các nhãn hiệu gas vừa và nhỏ, xuất hiện ngày càng nhiều việc cạnh tranh không lành mạnh, giành giật sản lượng bằng việc giảm sâu giá bán.

Năm 2018 là năm thứ ba Công ty triển khai các chương trình, kế hoạch theo Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ LPG dân dụng của Tổng công ty khí Việt Nam (KVN) giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Mặc dù Chiến lược marketing, quảng cáo đã được Tổng Công ty quan tâm, phê duyệt, tuy nhiên việc triển khai chưa được thực hiện sớm, dẫn đến tạo độ trễ không cùng song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng theo mục tiêu tăng trưởng nhanh trong năm 2018.

b) Kinh doanh CNG:

Hệ thống khách hàng CNG đã ổn định, hoạt động cấp khí CNG được liên tục.

Việc giá dầu có xu hướng tăng cao dẫn đến giá thành nhiên liệu CNG đang mất dần đi lợi thế cạnh tranh so với các nhiên liệu khác, vì vậy khách hàng nhiều lần đề nghị tăng sản lượng, chiết khấu hoặc có xu hướng trở về sử dụng nhiên liệu truyền thống để tiết giảm chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng công ty khí, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm cùng tập thể CBCNV toàn Công ty nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, từng bước khắc phục và giải quyết những khó khăn tồn tại, giữ vững sự ổn định của Công ty, cố gắng hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã đề ra.

Kết quả các chỉ tiêu chính đạt trong năm 2018 như sau:

- Tuy giá CP thay đổi gây khó khăn, nhưng nắm bắt được nhu cầu tiêu thụ của khách hàng và chủ động điều tiết nên việc cung ứng LPG rời của KMB tương đối ổn định.
- Tập trung phát triển khách hàng nhà máy, trạm chiết để mở rộng thị trường và tiếp tục xuất khẩu LPG Dung Quất ra nước ngoài.
- Công nợ bán hàng được kiểm soát tốt
- Triển khai tốt các công tác dịch vụ cho khách hàng như: tư vấn thiết kế, xây lắp, đánh giá an toàn và bảo dưỡng sửa chữa tạo được uy tín của thương hiệu PETROVIETNAM GAS trong lòng khách hàng.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH/ KH 2018
Sản lượng				
LPG	Tấn	217.352	221.193	102%
CNG	Triệu Sm3	30	42,29	141%
Doanh thu	Tỷ đồng	3.366,9	4.055	120%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,5	15,076	143,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,4	12,112	144%

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị trong năm 2018 như sau:

- Công trình Tổng kho các sản phẩm dầu khí Đà Nẵng (giai đoạn 1): trong năm 2018, Công ty đã phê duyệt quyết toán theo quy định.
- Dự án: Trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng Thái Nguyên: thực hiện các thủ tục thuê đất, lập thiết kế và dự toán, tiến hành lựa chọn nhà thầu thi công.

- Thực hiện các công việc mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất theo kế hoạch năm 2018 đã được phê duyệt.
- Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 20% cổ phần Công ty sản xuất và thương mại TQT từ các cổ đông bên ngoài, tiến hành sắp xếp cơ cấu tổ chức theo mô hình mới.
- Vốn giải ngân cả năm là: 7,1 tỷ đồng

3. Tình hình đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác:

HĐQT hiện đang tìm các nhà đầu tư có quan tâm đến công ty có vốn góp của KMB là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (10 tỷ đồng) để thoái vốn, với mục tiêu tập trung nguồn lực để phát triển bền vững có hiệu quả lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

4. Công tác quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT đã làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, quyết định những nội dung quan trọng sau đây:

Quý 1/2018:

- Giao kế hoạch SXKD năm 2018 để Giám đốc chỉ đạo các bộ phận thực hiện.
- Nhận chuyển nhượng cổ phần còn lại và cử người đại diện tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại TQT.

Quý 2/2018:

- Vay vốn tín dụng.
- Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư và Báo cáo kỹ thuật Trạm chiết nạp LPG Thái Nguyên.
- Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Quý 3/2018:

- Phê duyệt và ban hành quy chế trả lương
- Thông qua hợp đồng sáp nhập với công ty con.

Quý 4/2018:

- Tổ chức Đại hội cổ đông bất thường.
- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng

5. Công tác quản lý và giám sát Ban Giám đốc và bộ máy điều hành công ty.

Công ty có đặc điểm thuận lợi là 04/05 thành viên HĐQT đều nằm trong ban lãnh đạo Công ty, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của ban điều hành thông qua các công tác:

- Quán triệt và chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty, các bộ phận liên quan thông suốt chiến lược bán lẻ giai đoạn năm 2016 – 2020 và định hướng phát triển đến năm 2025 để đồng tâm thực hiện.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành Công ty.

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành công ty về việc triển khai các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc về việc chuẩn bị và triển khai các dự án.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành và kịp thời chỉ đạo các vướng mắc phát sinh.
- Luôn luôn chỉ đạo Ban Giám đốc, các phòng, bộ phận trong Công ty nâng cao công tác quản trị, đánh giá xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm...; tiết giảm chi phí, giám sát thu hồi công nợ chặt chẽ làm tăng hiệu quả SXKD.
- Các ý kiến của Ban Kiểm soát đều được HĐQT tiếp thu và xem xét cẩn trọng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019.

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt nam, dựa trên Chiến lược phát triển bán lẻ của Tổng Công ty Khí Việt Nam, đồng thời phát huy những nhiệm vụ đã đạt được trong năm 2018, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, giám sát thường xuyên công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhanh chóng quyết định những vấn đề phục vụ cho SXKD của công ty nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Thực hiện đồng bộ 04 chiến lược bán lẻ LPG dân dụng : Cạnh tranh, Kênh phân phối, Marketing và Thương hiệu.
- Tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Dầu khí để tập trung nguồn lực vào ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Nâng cao công tác quản trị; yêu cầu Ban Giám đốc chỉ đạo, điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được phê duyệt, rà soát lại tất cả các định mức kỹ thuật, chi phí đảm bảo tiết giảm chi phí quản lý, không để công nợ xấu phát sinh.
- Tái cơ cấu lại hệ thống kinh doanh CNG trong thời gian khủng hoảng nguồn cung.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách với người lao động, hoàn thiện các chế độ đãi ngộ gắn với hiệu quả công việc.
- Tuân thủ các quy định về an toàn- vệ sinh-môi trường đảm bảo tuyệt đối an toàn trong toàn bộ các quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tích cực tìm kiếm các đối tác để bán hoặc cho thuê khu văn phòng tại Nghi Xuân- Hà Tĩnh; Cầu cảng và diện tích chưa sử dụng tại Tổng Kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng;
- Hoàn thành đầu tư đưa vào sử dụng trạm nạp LPG Thái Nguyên.
- Hoàn thành phát hành cổ phần riêng lẻ cho TCT Khí Việt nam để tăng tỷ lệ sở hữu của TCT lên 51% vốn điều lệ của Công ty.
- Tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường, quyết nghị các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.

III. ĐÁNH GIÁ – KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

Năm 2018, mặc dù Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong SXKD, nhưng với tinh thần đoàn kết, nhất trí của HĐQT, Ban Giám đốc và sự nỗ lực phấn đấu của CBCNV, sự ủng

hộ của Tổng Công ty Khí việt Nam cùng cổ đông, HĐQT Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ đã được giao.

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2019, Hội đồng quản trị KMB kiến nghị Tổng Công ty Khí Việt Nam tiếp tục hỗ trợ KMB các vấn đề sau:

1. Tổng công ty sớm triển khai đồng bộ kế hoạch truyền thông phát triển thương hiệu PetroVietnamGas để song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng của KMB theo mục tiêu tăng trưởng trong Chiến lược năm 2019; hỗ trợ KMB tiếp tục triển khai chiến lược mua lại các thương hiệu để tăng thị phần.
2. Do các hợp đồng mua bán khí có thời hạn dài nên khách hàng luôn mong muốn KMB và Tổng công ty Khí có chính sách sản lượng và giá bán CNG ổn định lâu dài và đặc biệt có tính cạnh tranh khi giá dầu tăng lên để ổn định kế hoạch sản xuất kinh doanh của KMB với khách hàng tiêu thụ CNG.
3. Tiếp tục hỗ trợ KMB thông qua làm việc với tập đoàn xử lý dứt điểm công nợ PVTEX.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.AT03

Trần Trọng Hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-BKS-KMB	*Hà nội, ngày tháng năm 2019*

BÁO CÁO
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Căn cứ thực hiện báo cáo:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014,

Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc,

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc,

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty, trong năm tài chính 2018 Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ được giao và báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

PHẦN I – KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2018

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Nội dung kiểm soát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc sửa đổi, hoàn thiện và thực hiện các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các đơn vị thành viên.
- Thường xuyên theo dõi tình hình của Công ty qua các Nghị Quyết, Công văn, Chỉ thị của Tổng Công ty Khí Việt Nam- CTCP, Nghị quyết, Quyết định của Công ty.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, giám sát việc thực hiện chiến lược bán lẻ. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng, nguồn vốn, tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị công ty thực hiện công tác tăng tỷ lệ sở hữu của TCT tại KMB lên 51% Vốn điều lệ tại Nghị quyết của Tập đoàn DKVN và Tổng Công ty phê duyệt theo phương án phát hành cổ phần riêng lẻ cho TCT Khí Việt Nam - CTCP đã được ĐHĐCĐ bất thường 2018 thông qua theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐCĐ-KMB ngày 27/12/2018.
- Kiểm tra kiểm soát đối với Người đại diện phần vốn của Công ty theo Quy chế Kiểm tra giám sát của Tổng Công ty ban hành.

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm, các dự án đầu tư XDCB.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính. Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính trong năm đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo.
- Kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên, chi nhánh. Trung tâm phụ thuộc.
- Trong năm 2018 Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thống nhất nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát và tổng kết tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân và tập thể Ban kiểm soát, cụ thể:
    - Lần 1: ngày 26/02/2018
      Nội dung: Tổng kết công tác kiểm tra giám sát năm 2017 và kế hoạch hoạt động của Ban năm 2018, phân công công việc cho từng thành viên trong Ban.
    - Lần 2: ngày 01/06/2018
      Nội dung: Tổng kết công tác kiểm tra 3 chi nhánh trực thuộc. Phân công công tác chuẩn bị số liệu phục vụ đoàn kiểm tra nội bộ Tổng Công ty định kỳ hàng năm.
    - Lần 3: ngày 09/07/2018
      Nội dung: Tổng kết rút kinh nghiệm qua đợt kiểm tra của Đoàn kiểm tra nội bộ Tổng Công ty. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong 6 tháng cuối năm 2018.
    - Lần 4: ngày 31/12/2018
      Nội dung: Tổng kết công tác kiểm tra giám sát năm 2018 và triển khai kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2019. Chuẩn bị các báo cáo, tờ trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
Ban kiểm soát đã tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban công ty, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo công ty với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

II. Kết quả kiểm tra giám sát

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính.

- Ban Kiểm soát xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty được lập tại ngày 31/12/2018 đã phản ánh một các trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam, hệ thống kế toán Việt nam. Báo cáo được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết bằng hệ thống công bố thông tin điện tử lên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của Bộ Tài chính ban hành về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2018 của Công ty là lành mạnh, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo, Công ty đã bảo toàn tài sản và vốn.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PVGAS NORTH.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, do Công ty TNHH Deloitte Việt Nam phát hành ngày 12/03/2019.

2. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh qua các chỉ tiêu tài chính

- Năm 2018 Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao trên các chỉ tiêu: Doanh thu thực hiện 4.055 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế thực hiện 15,076 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 12,112 tỷ đồng.
- Các công trình được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật Đấu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình. Hiện nay các công trình đã quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng quy định.
- Công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động, kế hoạch đào tạo, công tác kiểm tra an toàn định kỳ năm 2018.
- Trong công tác quản lý và hạch toán kế toán Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Kế hoạch tài chính, kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch giá thành đã được lập gắn liền với kế hoạch đầu tư & sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho công việc tổ chức và điều hành Công ty thực hiện đúng tiến độ đầu tư và SXKD. Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế quản lý tài chính của Công ty cũng như của Tổng Công ty Khí VN – CTCP, không chi sai, chi lãng phí, làm thất thoát tài chính của đơn vị.

Một số chỉ tiêu chính tình hình thực hiện năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch (%)
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	3.366,9	4.059	120%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,46	15,076	143,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,4	12,112	144%
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	277,198	277,198	100%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	4	5,43	135,7%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	20,9	109	519%

Các nội dung khác Công ty đã thực hiện và tuân thủ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 và nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/12/2018.

III. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của HĐQT và Ban GĐ:

- Ban Kiểm soát đánh giá cao tinh thần làm việc của HĐQT, Ban GĐ, tinh thần tiết kiệm, tính trung thực cũng như cẩn trọng trong lãnh đạo và quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Tuy nhiên thị trường LPG có nhiều biến động, trong năm giá bán LPG liên tục giảm sâu, thị trường bán bình luôn cạnh tranh với các hãng gas tư nhân. Các hãng gas đã đồng loạt đưa vào hoạt động các trạm chiết nạp gas nhằm xây dựng kênh phân phối ổn định và cạnh tranh quyết liệt. Mặc dù vậy, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hỗ trợ Ban Giám đốc và các phòng, ban đơn vị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Công ty đã thực hiện đúng chiến lược phát triển hệ thống bán lẻ LPG theo chỉ thị của Tổng Công ty phê duyệt.
- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được Tổng Công ty, ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT đã hoàn thành công tác tái cơ cấu theo Nghị Quyết của Tổng Công ty, Tập đoàn.
- HĐQT, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện theo đúng Các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Giám đốc đã tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
- Chính sách đối với người lao động: Công ty đã đảm bảo thực hiện việc ký hợp đồng lao động, trích nộp BHXH,BHYT và các quyền lợi của người lao động theo đúng luật. Ngoài ra còn tham gia mua bảo hiểm thân thể cho CBCNV Công ty; Công ty đã xây dựng Quy chế lương, thưởng; hệ thống tiêu chuẩn chức danh và chính sách nhân viên gắn liền với năng suất, chất lượng hiệu quả công việc người lao động nhằm khuyến khích động viên người lao động phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc; chú trọng gắn đào tạo với sử dụng, khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với công việc; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV; Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại khuyến khích vào tạo điều kiện cho CBCNV học tập, đào tạo, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVGAS NORTH.

2. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban GĐ và các cán bộ quản lý

- Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ HĐQT và Ban GĐ. Ban GĐ và các cán bộ quản lý tại các đơn vị đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.
- Ban Kiểm soát được mời tham dự hầu hết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và hàng tháng đều tham dự họp giao ban của Công ty. Tại các cuộc họp này Ban Kiểm soát cũng

đã tham gia đóng góp ý kiến trên phương diện đảm bảo tính phù hợp trong các hoạt động của Công ty.

- Giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, thực thi các nhiệm vụ ĐHĐCĐ đã giao.
- Ban kiểm soát thực hiện thẩm định báo cáo Tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát hàng quý, năm của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

IV. Ý kiến đóng góp của BKS

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập, thực hiện chiến lược phát triển và mục tiêu năm 2019 cũng như trong tương lai của Công ty, Ban kiểm soát có một số ý kiến đóng góp cho công tác quản lý và điều hành kinh doanh như sau:

- Tăng cường kiểm tra giám sát nội bộ việc thực hiện các quy chế, quy trình, quy định phân cấp. Thông qua quản lý Người đại diện tại các đơn vị thành viên, các phòng chức năng của Công ty cần giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên, cập nhật thông tin và báo cáo Ban Giám đốc kịp thời xử lý.
- Các cán bộ quản lý có nhiệm vụ xây dựng và theo dõi thực hiện quy chế, định mức, phải thường xuyên có báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện cho Ban Giám đốc để kịp thời có biện pháp điều chỉnh cơ chế cho phù hợp với tình hình kinh doanh và có biện pháp chấn chỉnh những đơn vị, bộ phận vi phạm quy chế.
- Tăng cường công tác Kế toán quản trị để cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho Ban Lãnh đạo Công ty. Kiểm soát chặt chẽ công nợ và các loại tài sản. Xác định chính xác nhu cầu vốn theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.
- Tiếp tục triển khai giám sát hoạt động các dự án đầu tư.

PHẦN II – KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông, BKS xây dựng kế hoạch làm việc năm 2019 như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.
- Kiểm tra giám sát nội bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Phân tích tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào đơn vị khác.
- Giám sát đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị của các cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng Công ty.
- Giám sát và phối hợp chặt chẽ Tổ Công bố thông tin trong việc thực hiện công bố thông tin qua Hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội và Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định hiện hành .
- Theo dõi và giám sát quá trình triển khai và thực hiện, quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tiếp tục phối hợp Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc tăng tỷ lệ sở hữu của TCT tại KMB lên 51%.
- Lập và gửi Báo cáo kiểm tra giám sát hàng quý, năm cho Tổng Công ty đúng thời hạn.
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kế toán tài chính, kiểm soát tại Tổng Công ty để có được sự chỉ đạo thống nhất, hỗ trợ tốt trong công việc kiểm tra, giám sát.

PHẦN III- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019

- Qua hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được kiểm chứng bằng việc đã tham gia hầu như toàn bộ công việc kiểm toán đối với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam và đã thực hiện công việc kiểm toán tại Công ty KMB từ năm 2007 đến nay, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2019.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động năm 2018, phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2019 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập 2019, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban GĐ (để b/c);
- Lưu VT, BKS, KP.(02).

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Thị Kim Phượng

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Số: /TTr-BKS-KMB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc: Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc;
Căn cứ Quy chế quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (KMB);

Sau khi xem xét thư chào hàng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho năm tài chính của Công ty TNHH Deloitte Việt nam, Ban Kiểm soát Công ty KMB nhận thấy:

Công ty TNHH Deloitte Việt nam, thành viên hãng Deloitte Touche Tohmatsu, là công ty kiểm toán chuyên ngành cung cấp các dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn tài chính và giải pháp quản lý. Công ty TNHH Deloitte Việt nam có thể kết hợp các nguồn lực, kiến thức chuyên môn của các thành viên khác thuộc Deloitte trong khu vực và trên thế giới để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao. Ngoài ra với nhóm dịch vụ kiểm toán mạnh, có bề dày kinh nghiệm trong kiểm toán Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam cũng như các đơn vị trực thuộc và các Tập đoàn kinh tế lớn của Việt nam, Deloitte Việt nam có thể cung cấp những nhận xét có giá trị về hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty KMB.

Ban Kiểm soát KMB kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và phê duyệt việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Ngoài ra, trong trường hợp Công ty TNHH Deloitte Việt Nam không đáp ứng kịp tiến độ do KMB đưa ra hoặc phí kiểm toán không cạnh tranh. Ban Kiểm soát Công ty cũng đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua việc uỷ quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán khác để đáp ứng yêu cầu kiểm toán theo quy định của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước và pháp luật.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu HĐQT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Thị Kim Phượng